

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/DS-PT
Ngày 25-02-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Nguyễn Trung Dũng
<i>Các Thẩm phán:</i>	Bà Lê Thị Kim Anh
	Ông Nguyễn Văn Tài

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Xông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2020/TLPT-DS ngày 10/01/2020 về việc “tranh chấp về hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2019/DS-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2020/QĐPT-DS ngày 03 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q, địa chỉ: Đường P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Nam Tr, sinh năm 1984; địa chỉ: Đường U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 14/02/2020).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965; địa chỉ: khu phố C, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Khu phố B3, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Thượng H, sinh năm 1989; địa chỉ: Số khu phố C, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Khu phố B3, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2. Công ty TNHH MTV H; địa chỉ: Số 427, tờ bản đồ số 38, đường ĐT418, tổ 1, khu phố Khánh Lộc, phường K, thị xã T2, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH MTV H: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965; địa chỉ: khu phố C, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Khu phố B3, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14-6-2019, quá trình tố tụng đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thu Hương trình bày:

Ngày 19/7/2013 Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh Bình Dương (viết tắt là Ngân hàng) và bà Nguyễn Thị D có ký hợp đồng tín dụng số 0136/HĐTD1-VIB613/13, trong đó bao gồm 2 khế ước nhận nợ. Đối với khế ước nhận nợ số 0136.01/KUNN1- VIB613/13, bà Nguyễn Thị D vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay xây nhà ở, thời gian vay 120 tháng kể từ ngày 23/7/2013 đến ngày 23/7/2023, lãi suất vay 7,77%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất từ tháng 04 trở đi được điều chỉnh bằng lãi suất cho vay của sản phẩm cho vay bất động sản tại thời điểm điều chỉnh, trả nợ gốc và lãi vào ngày 23 hàng tháng, kỳ trả đầu 23/8/2013, kỳ trả cuối 23/7/2023, số tiền gốc trả hàng tháng 4.160.000 đồng, số tiền trả cuối kỳ là 4.960.000 đồng. Ngày 23/7/2013, Ngân hàng đã giải ngân số tiền trên cho bà Nguyễn Thị D. Đối với khế ước nhận nợ số 0136.02/KUNN1-VIB613/13, bà Nguyễn Thị D vay số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay xây nhà ở, thời gian vay 120 tháng kể từ ngày 29/7/2013 đến ngày 23/7/2023, lãi suất vay 7,77%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất từ tháng 04 trở đi được điều chỉnh bằng lãi suất cho vay của sản phẩm cho vay bất động sản tại thời điểm điều chỉnh, trả nợ gốc và lãi vào ngày 23 hàng tháng, kỳ trả đầu 23/8/2013, kỳ trả cuối 23/7/2023, số tiền gốc trả hàng tháng 1.660.000 đồng, số tiền trả cuối kỳ là 2.460.000 đồng. Ngày 29/7/2013, Ngân hàng đã giải ngân số tiền trên cho bà Nguyễn Thị D.

Tài sản bà Nguyễn Thị D thế chấp để đảm bảo cho toàn bộ khoản vay trên là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 427, tờ bản đồ số 38; tọa lạc tại xã K, huyện T2 (nay là phường K, thị xã T2), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02678/QSDĐ/TU do UBND huyện T2 (nay là thị xã T2), tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/11/2003 và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích nhà đất đã thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp theo hợp đồng này, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0136/2013/VIB.BD ngày 22/7/2013 và đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện T2 (nay là thị xã T2), tỉnh Bình Dương ngày 22/7/2013.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, năm 2014, bà Nguyễn Thị D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và tiền lãi. Đến ngày 23/5/2015, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc của khách hàng sang nợ quá hạn. Từ tháng 11/2016, bà Nguyễn Thị D có đóng tiền cho Ngân hàng tuy nhiên số tiền bà đóng không đủ trích thu cho số tiền dư nợ gốc và lãi quá hạn nên Ngân hàng ưu tiên thu toàn bộ vào nợ gốc để giảm dư nợ tính lãi cho khách hàng.

Do đó, nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị D:

- Thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/11/2019) là 357.224.608 đồng. Trong đó nợ gốc: 87.072.968 đồng, nợ lãi trong hạn: 0 đồng, nợ lãi quá hạn: 270.151.640 đồng. Đề nghị tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 19/11/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng.

- Trường hợp không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 427, tờ bản đồ số 38; địa chỉ: xã K, huyện T2 (nay là phường K, thị xã T2), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02678/QSĐĐ/TU do UBND huyện T2 (nay là thị xã T2), tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/11/2003 và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích nhà đất đã thế chấp để thu hồi nợ.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản được dùng để thanh toán nợ cho Ngân hàng. Trường hợp không đủ để trả nợ thì bên vay vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp: Hợp đồng tín dụng số 0136/HĐTD-VIB613/13; khế ước nhận nợ số 0136.01/KUNN1- VIB613/13; khế ước nhận nợ số 0136.01/KUNN1- VIB613/13; hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0136/2013/VIB. BD ngày 22/7/2013.

- *Theo bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn trình bày:*

Thông nhất với nguyên đơn về việc hai bên có ký kết hợp đồng tín dụng số 0136/HĐTD-VIB613/13, trong đó bao gồm 2 khế ước nhận nợ, số tiền vay, mục đích vay, thời hạn thanh toán, số tiền phải thanh toán hàng tháng và mức lãi suất.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị D thừa nhận năm 2014 có vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Tuy nhiên, tại thời điểm trên thì giữa bà và Ngân hàng đã thỏa thuận năm 2015 bà Nguyễn Thị D sẽ đóng toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi do chậm thanh toán theo hợp đồng và chịu số tiền phạt là 30.000.000 đồng do chậm thanh toán, kể từ thời điểm đó cho đến nay hàng tháng bà vẫn thanh toán cho Ngân hàng nên bà xác định bà không vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng bà Nguyễn Thị D thống nhất với ngân hàng bà còn nợ số tiền gốc là 87.072.968 đồng. Đối với lãi quá hạn ngân hàng báo cho bà vào ngày 07/9/2019 còn nợ 238.500.000 đồng, thì bà đồng ý số tiền lãi trên và yêu cầu trừ số tiền bà không vi phạm 33.033.621 đồng

và 7.387.220 đồng là tiền lãi phạt ngân hàng bắt đóng trong khi bà không vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay, bà chỉ đồng ý thanh toán tiền lãi bà còn phải đóng là 198.079.159 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi bà Nguyễn Thị D còn nợ Ngân hàng là 285.152.127 đồng. Số tiền trên bà sẽ trả mỗi tháng 20.000.000 đồng đến khi thanh toán xong nợ, trường hợp ngân hàng yêu cầu bà trả một lần thì bà chỉ có khả năng trả 250.000.000 đồng và yêu cầu ngân hàng không tính lãi để hai bên thống nhất số nợ. Bà Nguyễn Thị D cho rằng không vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 427, tờ bản đồ số 38; địa chỉ: Phường K, thị xã T2, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02678/QSDĐ/TU do UBND huyện T2 (thị xã T2), tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/11/2003 và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích nhà đất đã thế chấp để thu hồi nợ. Bị đơn đơn không có yêu cầu phản tố.

- Theo biên bản lấy lời khai, quá trình tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thượng H trình bày: Ông là con ruột của bà Nguyễn Thị D, giữa bà Nguyễn Thị D và Ngân hàng có ký hợp đồng tín dụng để vay tiền, để đảm bảo khoản nợ vay bà Nguyễn Thị D có thể chấp cho Ngân hàng Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 427, tờ bản đồ số 38; địa chỉ: Phường K, thị xã T2, tỉnh Bình Dương, tại thửa đất bà Nguyễn Thị D thế chấp thì ông Nguyễn Thượng H có xây dựng cơ sở massage, trong trường hợp ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo khoản nợ vay thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và ông xác định không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- Theo biên bản lấy lời khai, quá trình tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV H người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị D trình bày: Trên thửa đất đang thế chấp cho Ngân hàng có Công ty TNHH MTV H đang hoạt động do bà là người đại diện theo pháp luật trong trường hợp ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo khoản nợ vay thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2019/DSST ngày 18/11/2019, Tòa án nhân dân thị xã T đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q đối với bị đơn bà Nguyễn Thị D về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Buộc bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ gốc là: 87.072.968 đồng (tám mươi bảy triệu không trăm bảy mươi hai ngàn chín trăm sáu mươi tám đồng), nợ lãi quá hạn: 270.151.640 đồng (hai trăm bảy mươi triệu một trăm năm mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi đồng). Tổng cộng là 357.224.608 đồng (ba trăm năm mươi bảy triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm lẻ tám đồng).

Kể từ ngày 19/11/2019, bà Nguyễn Thị D phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 0136/HĐTD1-VIB613/13 ngày 19/7/2013.

Về phát mãi tài sản: Trường hợp bà Nguyễn Thị D không thanh toán hết số nợ trên cho Ngân hàng TMCP Q thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0136/2013/VIB.BD ngày 22 tháng 7 năm 2013 là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 427, tờ bản đồ số 38; tọa lạc tại xã K, huyện T2 (nay là phường K, thị xã T2), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02678/QSDĐ/TU do UBND huyện T2 (nay là thị xã T2), tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/11/2003 cho bà Nguyễn Thị D và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phân giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích nhà đất đã thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp không đủ để trả nợ thì bên vay vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi án tuyên, bị đơn bà Nguyễn Thị D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Nam Tr xác định bị đơn bà Nguyễn Thị D đã trả cho nguyên đơn hết số nợ gốc là 87.072.968 đồng, hiện tại bà Nguyễn Thị D chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền lãi quá hạn là 270.151.640 đồng. Đối với số nợ nêu trên, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn thống nhất thỏa thuận như sau: Bị đơn bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 270.151.640 đồng. Thời hạn thanh toán tính từ ngày 25/02/2020 đến ngày 30/5/2020. Trong thời hạn nêu trên, nếu bà Nguyễn Thị D thanh toán hết số tiền 270.151.640 đồng cho Ngân hàng thì ngân hàng sẽ trừ cho bà Nguyễn Thị D số tiền 27.015.640 đồng (tương đương 10% khoản nợ).

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự có mặt đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm,

[3] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Nam Tr xác định bị đơn bà Nguyễn Thị D đã trả cho nguyên đơn hết số nợ gốc là 87.072.968 đồng, hiện tại bà Nguyễn Thị D chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền lãi quá hạn là 270.151.640 đồng. Sự thừa nhận của đương sự là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Đối với số tiền 270.151.640 đồng nợ lãi quá hạn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn thống nhất thỏa thuận như sau: Bị đơn bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 270.151.640 đồng. Thời hạn thanh toán tính từ ngày 25/02/2020 đến ngày 30/5/2020. Trong thời hạn nêu trên, nếu bà Nguyễn Thị D thanh toán hết số tiền 270.151.640 đồng cho Ngân hàng thì ngân hàng sẽ trừ cho bà Nguyễn Thị D số tiền 27.015.640 đồng (tương đương 10% khoản nợ).

[5] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[6] Kháng cáo của bị đơn là có căn cứ chấp nhận.

[7] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 300; khoản 2 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị D; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2019/DSST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã T như sau:

1.1. Công nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng TMCP Q và bà Nguyễn Thị D như sau: Bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 270.151.640 đồng. Thời hạn thanh toán được tính từ ngày 25/02/2020 đến ngày 31/5/2020.

Kể từ ngày 01/6/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về phát mãi tài sản: Trường hợp bà Nguyễn Thị D không thanh toán hết số nợ trên cho Ngân hàng TMCP Q thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0136/2013/VIB.BD ngày 22 tháng 7 năm 2013 là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 427, tờ bản đồ số 38; tọa lạc tại xã K, huyện T2 (nay là phường K, thị xã T2), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02678/QSDĐ/TU do UBND huyện T2 (nay là thị xã T2), tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/11/2003 cho bà Nguyễn Thị D và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phân giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích nhà đất đã thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp không đủ để trả nợ thì bên vay vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

1.2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng), Ngân hàng TMCP Q đã đã nộp thay nên bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền trên.

1.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị D phải chịu 13.507.582 đồng (mười ba triệu năm trăm lẻ bảy nghìn năm trăm tám mươi hai đồng).

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q 9.068.746 đồng (chín triệu không trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm bốn mươi sáu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0035795 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Thị D phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0036475 ngày 26/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Các Thẩm phán

**Thẩm phán
Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Tài Lê Thị Kim Anh

Nguyễn Trung Dũng

